

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DSST.  
Ngày: 07/8/2019.

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ-TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Dung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Toại và bà Trần Thị Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thanh Vân, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân Thành phố Huế (60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018; về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXX - ST ngày 26 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2019/QĐST - DS ngày 15 tháng 01 năm 2019, Thông báo mở lại phiên tòa số 156/2019/TB-TA ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tố L, sinh 1959. Nơi cư trú: 50 L, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn K.

Địa chỉ: 28 B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Mẫn Đ, sinh năm 1986, chức vụ: Giám đốc – vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị Thúy H, sinh năm 1961. Nơi cư trú: 01/139 Đ, phường Ô, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (Tòa án nhân dân thành phố Huế tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi tại Quyết định số 41/2018/QDDS-ST ngày 16/3/2018) – vắng mặt.

Người giám hộ cho bà Trương Thị Thúy H: Ông Trần Mẫn Đ, sinh năm 1986, chức vụ: Giám đốc – vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Trương Khắc S. Địa chỉ: 84 đường số 02 A, phường Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế - có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19 tháng 10 năm 2012, bà Trương Thị Thúy H là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn k có nhờ bà Nguyễn Thị Tố L

mượn giùm 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 và 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) tiền mặt, nhằm giúp Công ty TNHH K có được nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh đang trong tình trạng khó khăn tại phiếu thu số 039 ngày 31/10/2012 của Công ty TNHH K. Bà H hứa sau hai tháng sẽ trả hết, nhưng đến hạn bà H vẫn không trả. Năm 2013, do Công ty TNHH K kinh doanh khó khăn nên bà H chỉ trả cho bà L 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng) và thống nhất với bà L số vàng Công ty TNHH K còn nợ bà L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 thì trả lãi mỗi tháng 500.000đồng/ 1 lượng vàng, Công ty TNHH K có trả cho bà L được mấy tháng tiền lãi (có chứng từ tại kế toán Công ty TNHH K), sau đó thì không trả nữa. Đến ngày 27 tháng 6 năm 2014, giữa bà Nguyễn Thị Tố L và bà Trương Thị Thúy H, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH K, ông Trương Khắc S, Giám đốc Công ty lập biên bản xác nhận nợ là Công ty TNHH K còn nợ bà L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999.

Năm 2015, 2016 Công ty đã có chuyển biến, nhiều lần bà L đề nghị Công ty TNHH K trả khoản nợ nhưng vẫn không được giải quyết. Đến ngày 28 tháng 9 năm 2017, bà L đã làm giấy đề nghị gửi Hội đồng thành viên Công ty TNHH K và giám đốc Công ty TNHH K (có biên bản họp, ông Trương Khắc S là thành viên HĐQT có xác nhận nợ).

Đến ngày 15 tháng 5 năm 2018, bà L gửi thông báo đòi nợ đến Giám đốc Công ty TNHH K, ông Trương Khắc S là thành viên của Hội đồng thành viên Công ty TNHH K xác nhận có nhận đơn đề nghị (thông báo đòi nợ) của bà L nhưng đến nay vẫn không trả. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH K trả cho bà 08 (tám) lượng vàng SJC 9999.

*Phía bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn k do ông Trần Mẫn Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty trình bày:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn k đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thành phố Huế, về việc bà Nguyễn Thị Tố L khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH K trả 08 (tám) lượng vàng SJC 9999. Ngày 28/8/2018, ông đã thông báo cho bà Trương Thị Thúy H biết. Đến ngày 05/9/2018, ông thông báo đến Hội đồng thành viên của Công ty về tất cả tài liệu, chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn. Trước đó, Công ty TNHH K cũng đã nhận được thông báo đòi nợ ngày 15/5/2018 của bà Nguyễn Thị Tố L. Với vai trò là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K từ tháng 4 năm 2016 đến nay, việc Công ty TNHH K vay mượn vàng của bà L trước thời điểm ông làm Giám đốc (trước tháng 4/2016), nên ông không nắm rõ, số vàng đó cũng không hạch toán trên sổ sách kế toán của Công ty. Nên ông không có ý kiến gì (tức là ông không đồng ý trả nợ cho bà L), đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Mẫn Đ có cung cấp cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên (Đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 12/4/2016; Phiếu thu số 039/10 ngày 31/10/2012 (in từ phần mềm ra không có chữ ký của Giám đốc, kế toán trưởng và người lập biểu); Bản phô tô báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty TNHH

K...Đơn đề nghị của ông Ngô Phương Đ (là thành viên góp vốn của Công ty TNHH K đề ngày 05/10/2017, gửi qua mail).

*Người làm chứng, ông Trương Khắc S trình bày:* Công ty TNHH K có nợ của bà Nguyễn Thị Tố L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 đúng như biên bản xác nhận nợ số 39/BB – KD – 2014 ngày 31/12/2012. Chứng từ trên hiện Công ty TNHH K đang quản lý. Ông có xác nhận nợ số vàng trên của bà L vào ngày 29/9/2018 (nhưng ghi nhầm ngày 29/9/2017).

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Huế đề nghị HĐXX:*

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố L, buộc Công ty TNHH K phải trả cho bà Nguyễn Thị Tố L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 (là 80 (tám mươi) chỉ vàng SJC 9999) tương đương số tiền bằng Việt Nam Đồng theo tỷ giá vàng SJC 9999 niêm yết tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2019).

Về án phí: Buộc Công ty TNHH K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Trương Thị Thúy H vắng mặt, nhưng Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tuyên bố bà H là một người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi tại Quyết định số 41/2018/QDDS-ST ngày 16/3/2018, người giám hộ cho bà Trương Thị Thúy H là ông Trần Mẫn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa. Người làm chứng ông Trương Khắc S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Chứng cứ nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Tố L cung cấp kèm theo đơn khởi kiện bao gồm: Bản sao biên bản xác nhận số 39/BB-KĐ-2014 ngày 27/6/2014; Thông báo về việc đòi nợ ngày 15/5/2018; Bản phô tô giấy đề nghị ngày 28/9/2017; Giấy xác nhận của ông Trương Khắc S có nhận đơn đề nghị trả nợ của bà L.

Xét biên bản xác nhận số 39/BB-KĐ-2014 ngày 27/6/2014 giữa bên cho vay mượn tiền, vàng là bà Nguyễn Thị Tố L, bên mượn tiền, vàng là bà Trương Thị Thúy H, chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty và ông Trương Khắc S là Giám đốc Công ty, có nội dung: Vào ngày 19/10/2012, bà L cho Công ty TNHH K mượn 08 lượng vàng SJC 9999 và số tiền mặt là 50.000.000đồng. Năm 2013, Công ty TNHH K đã trả cho bà L 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng). Ngày 27 tháng 6 năm 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn k lập biên bản xác nhận còn nợ bà L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999, người ký xác nhận nợ là bà Trương Thị Thúy H, chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty và ông Trương Khắc S là Giám đốc Công ty.

Xét việc Công ty TNHH K còn nợ bà L số vàng trên, bà L đã đề nghị và thông báo đòi nợ đến Công ty TNHH K. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Mẫn Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty khai ngày 28/8/2018 ông đã thông báo cho bà Trương Thị Thúy H biết. Đến ngày 05/9/2018, ông thông báo đến Hội đồng thành viên của Công ty về tất cả tài liệu, chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn. Trước đó, Công ty TNHH K cũng đã nhận được thông báo đòi nợ ngày 15/5/2018 của bà Nguyễn Thị Tố L.

Như vậy, việc bà L cho Công ty TNHH K vay mượn tiền, vàng có biên bản xác nhận nợ, người xác nhận nợ là bà Trương Thị Thúy H, tại thời điểm xác nhận nợ bà H là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty và ông Trương Khắc S là giám đốc Công ty. Bà H và ông Sơn là hai trong ba thành viên góp vốn của Công ty TNHH K. Việc lập biên bản xác nhận công nợ trên là do người có thẩm quyền trong Công ty TNHH K ký trên tinh thần tự nguyện và đúng quy định của pháp luật, do đó các bên phải có nghĩa vụ thi hành.

Xét ý kiến của ông Trần Mẫn Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K cho rằng, với vai trò là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K từ tháng 4 năm 2016 đến nay, việc Công ty TNHH K vay mượn vàng của bà L trước thời điểm ông làm giám đốc (trước tháng 4/2016), nên ông không nắm rõ, số vàng đó cũng không hạch toán trên sổ sách kế toán của Công ty và không có chứng từ nào thể hiện việc nhập số tiền, vàng trên vào Công ty. Nên ông không có ý kiến gì (tức là ông không đồng ý trả nợ cho bà L), đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Và đơn đề nghị của ông Ngô Phương Đ (là thành viên góp vốn của Công ty TNHH K), ông Đ không đồng ý trích tiền của Công ty để trả cho một số người, trong đó có bà L.

Xét ý kiến và đề nghị trên của ông Trần Mẫn Đ và ông Ngô Phương Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc Công ty TNHH K vay mượn tiền, vàng của bà L có nhập vào quỹ của Công ty TNHH K hay không, thì đó là việc nội bộ của Công ty TNHH K. Nếu ông Đạt là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K và ông Ngô Phương Đ là thành viên góp vốn của Công ty không đồng ý việc Công ty TNHH K

trả nợ cho bà L, thì các ông có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác, không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L trong vụ án này. Nên các yêu cầu trên của các ông không có cơ sở để chấp nhận.

Tại thời điểm xét xử (ngày 07/8/2019) giá vàng SJC 9999 được niêm yết là 40.820.500 đồng/01 (một) lượng, tức 4.082.000đồng/01 (một) chỉ. Như vậy, 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 là 80 (tám mươi) chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền 326.560.000đồng.

Tại phiên tòa bà L tự nguyện chỉ tính vàng trên theo giá 40.800.000đồng/01 (một) lượng, tức 4.080.000đồng/01 (một) chỉ. Do bà L tự nguyện tính giá vàng thấp hơn giá được niêm yết. Xét sự tự nguyện của bà L về giá vàng nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Như vậy, 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 là 80 (tám mươi) chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền 326.400.000đồng. Do đó, buộc Công ty TNHH K thanh toán cho bà L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 là 80 (tám mươi) chỉ vàng SJC 9999 tương đương với số tiền 326.400.000đồng.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận, nên bà L không phải chịu án phí, trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Công ty TNHH K phải chịu 16.320.000 đồng (326.400.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ Luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016//UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tố L.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn k phải trả cho bà Nguyễn Thị Tố L 08 (tám) lượng vàng SJC 9999 là 80 (tám mươi) chỉ vàng SJC 9999) tương đương với số tiền 326.400.000đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng).

2/ Về án phí: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn k phải nộp 16.320.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Tố L 7.348.000đồng (Bảy triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2013/005788 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án đủ số tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014,*

*thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người giám hộ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc được niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

-Toà án ND Tỉnh TTHuế;

-VKSND TP Huế;

-THADS;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**LÊ THỊ PHƯƠNG DUNG**